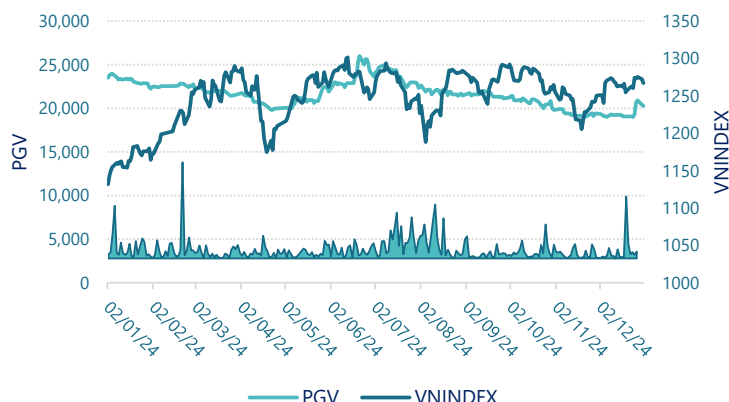


Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (HSX: PGV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	20,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
SL cổ phiếu LH	1,123,468,046
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,155
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	22,750
P/E	-25.3
EPS	-802

DT thuần

Q4/24

11,254

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4,150 | 58.4%

YoY: ▲ 1,481 | 15.2%

LN sau thuế

Q4/24

-439

tỷ VNĐ

QoQ: ▼926 | -190%

YoY: ▼522 | -628%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.4%

+/- YoY: ▼ 4.7%

DT thuần

2024

40,678

tỷ VNĐ

YoY: ▼5,184 | -11.3%

LN sau thuế

2024

-897

tỷ VNĐ

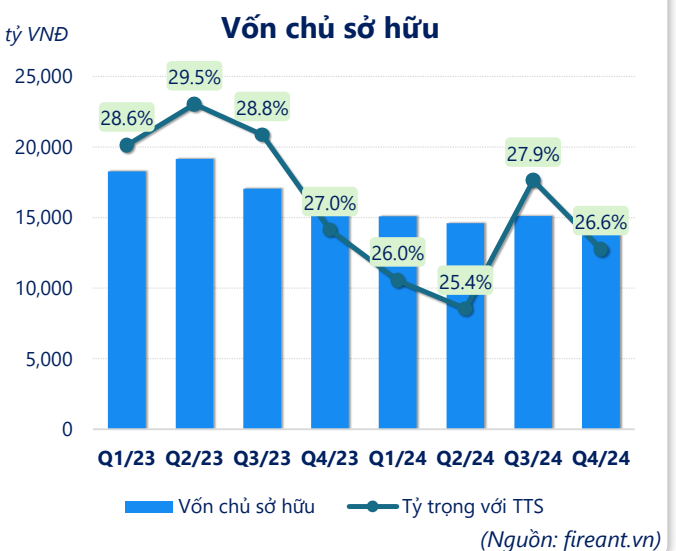
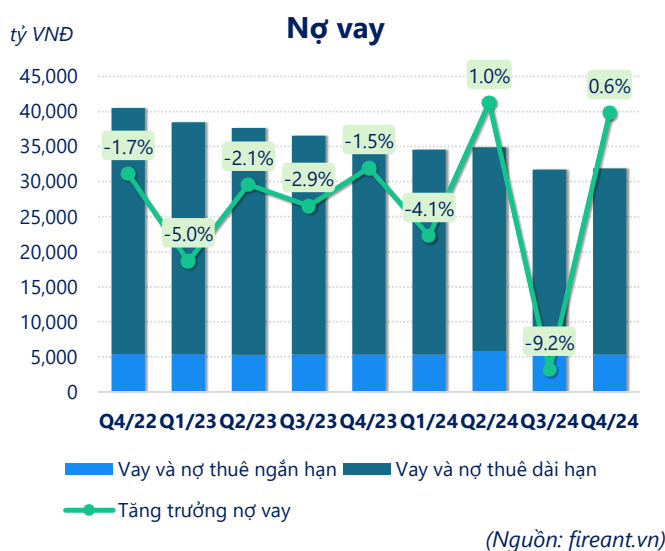
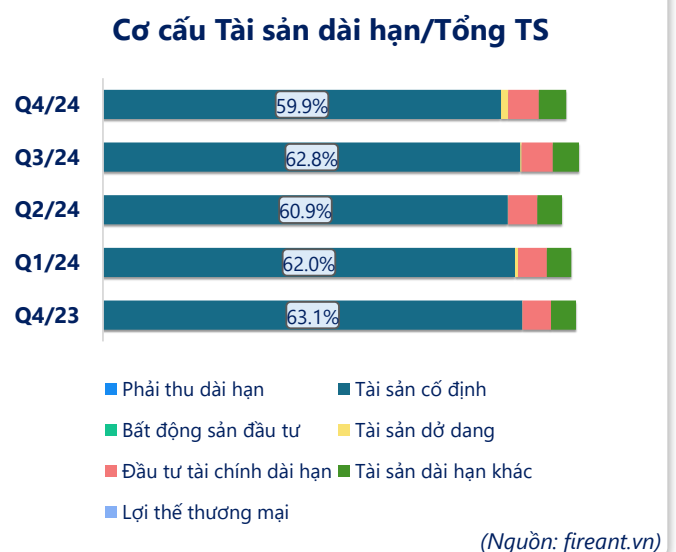
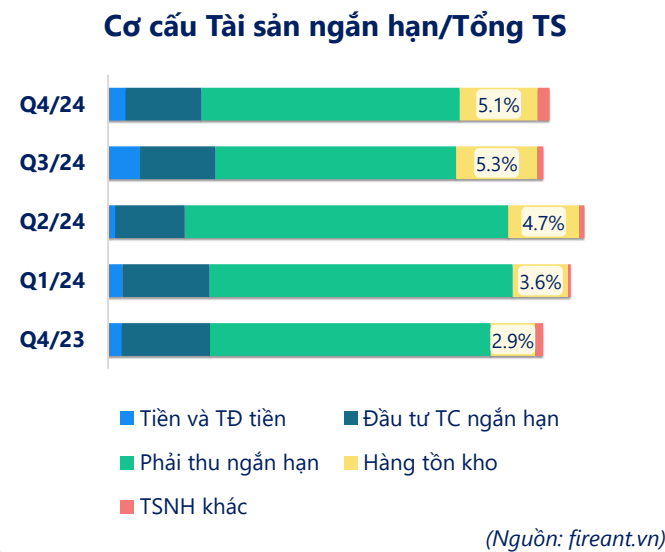
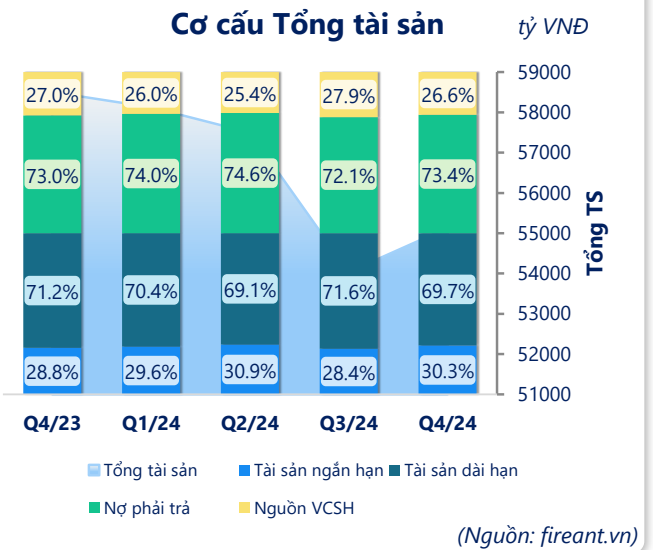
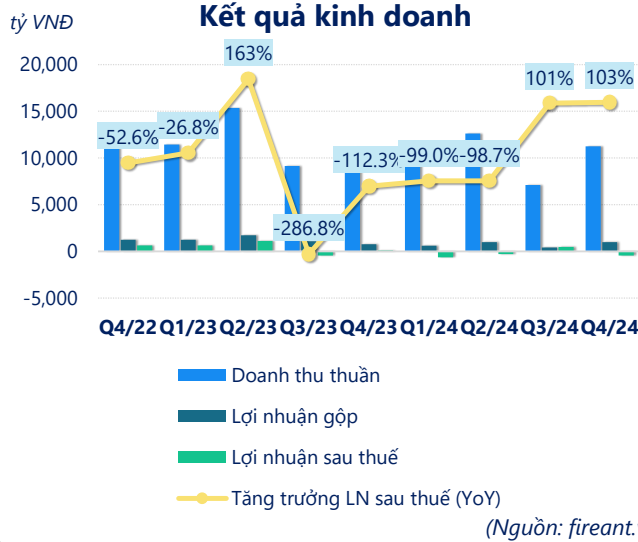
YoY: ▼1,981 | -183%

ROE

2024

-5.9%

+/- YoY: ▼ 12.3%



tỷ VNĐ

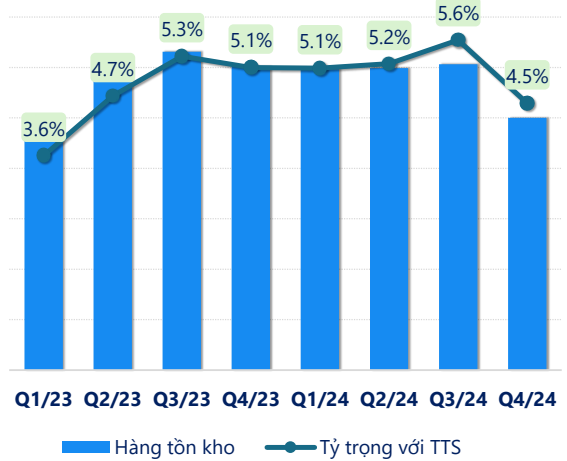
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

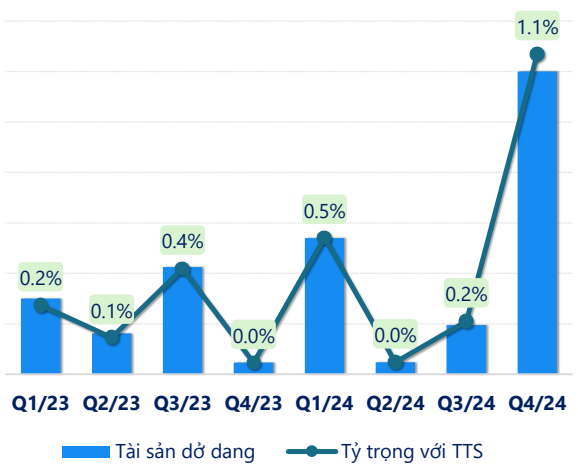
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

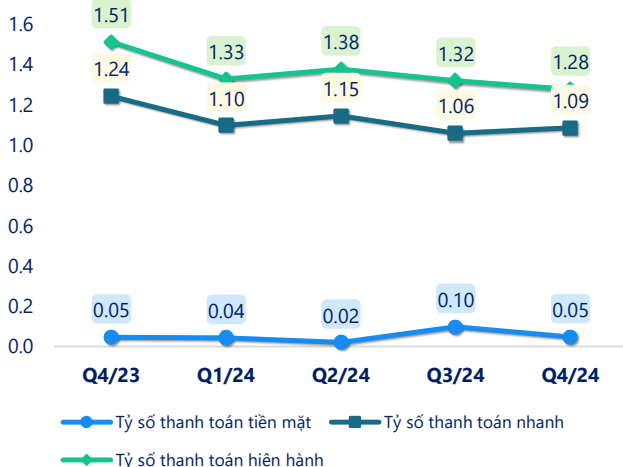
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



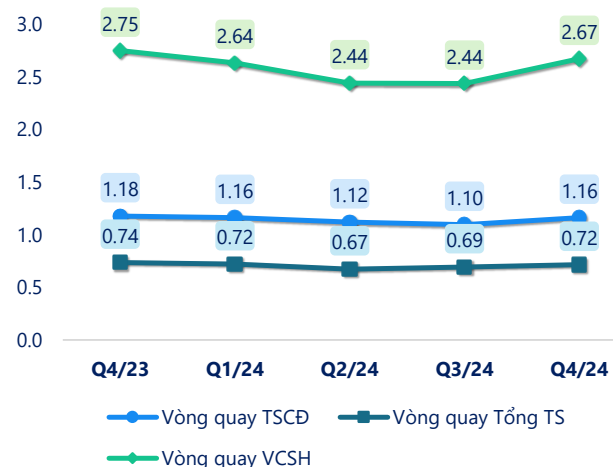
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	58,503	58,121	57,496	54,040	55,135
Tài sản ngắn hạn	16,861	17,182	17,786	15,347	16,702
Tiền và tương đương tiền	510	555	261	1,139	619
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,935	2,850	2,855	2,840	2,880
Phải thu ngắn hạn	9,944	10,348	11,157	7,806	10,162
Hàng tồn kho	3,009	2,983	2,993	3,031	2,501
Tài sản ngắn hạn khác	463	446	519	531	540
Tài sản dài hạn	41,642	40,939	39,710	38,693	38,433
Phải thu dài hạn	3.58	3.58	3.58	3.66	3.66
Tài sản cố định	36,906	36,019	35,021	33,941	33,015
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	22.9	270	23.5	97.3	600
Đầu tư tài chính dài hạn	2,517	2,521	2,536	2,536	2,547
Tài sản dài hạn khác	2,192	2,127	2,126	2,115	2,268
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	42,733	43,036	42,895	38,943	40,482
Nợ ngắn hạn	11,144	12,934	12,913	11,627	13,076
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,335	5,360	5,805	5,274	5,362
Phải trả người bán ngắn hạn	4,100	5,916	5,330	4,520	5,612
Nợ dài hạn	31,590	30,102	29,982	27,316	27,406
Vay và nợ thuê dài hạn	30,675	29,187	29,088	26,426	26,533
Nguồn vốn chủ sở hữu	15,770	15,086	14,601	15,096	14,653
Vốn chủ sở hữu	15,770	15,086	14,601	15,096	14,653
Vốn điều lệ	11,235	11,235	11,235	11,235	11,235
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)